

Số: 95 /KL-TTr

Vĩnh Long, ngày 7 tháng 12 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân TP.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện Quyết định Thanh tra số 79/QĐ-TTr ngày 20/9/2017 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) TP.Vĩnh Long.

Thanh tra Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại Trung tâm GDNN-GDTX TP. Vĩnh Long, trực thuộc Ủy ban nhân dân TP.Vĩnh Long từ ngày 25/9/2017, kết thúc ngày 17/11/2017.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/11/2017 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Chánh Thanh tra Sở Tài chính Kết luận như sau:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Dạy nghề và giới thiệu việc làm thành phố Vĩnh Long và Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Vĩnh Long.

1. Vị trí, chức năng của Trung tâm GDNN-GDTX TP.Vĩnh Long:

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, có chức năng đào tạo nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động.

- Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDNN-GDTX:

2.1 Nhiệm vụ:

- Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 03 tháng; đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động trong doanh nghiệp; bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động; đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

- Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên bao gồm: chương trình xóa mù chữ và tiếp tục sau khi biết chữ; chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chương trình giáo dục để lấy bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng đối với nghề được phép đào tạo; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh....
- Thực hiện các quy định khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Quyền hạn:

- Được chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trung tâm phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp và quy hoạch mạng lưới các Trung tâm GĐNN-GĐTX nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Được tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Được liên doanh, liên kết hoạt động đào tạo với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài để tổ chức đào tạo, bổ túc và bồi dưỡng kỹ năng nghề theo quy định của pháp luật.

- Được huy động, nhận tài trợ, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động đào tạo...

Thực hiện các quyền tự chủ khác theo quy định của pháp luật.

2.3 Cơ cấu tổ chức:

- Ban Giám đốc gồm: 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc;

- Các tổ chuyên môn gồm: Tổ Hành chính-Tổng hợp; Tổ Hướng nghiệp và Dạy nghề; Tổ Toán; Tổ Xã hội; Tổ Lý, Hóa, Sinh;

2.4 Về biên chế được giao năm 2016: Đầu năm 51 biên chế và 04 hợp đồng; cuối năm, 51 biên chế và 03 hợp đồng;

2.5 Trung tâm GĐNN-GĐTX TP.Vĩnh Long được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016, theo Quyết định số 10138/QĐ.UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long.

PHẦN II: KẾT QUẢ THANH TRA

A. Nguồn kinh phí ngân sách NN cấp

I. Tổng hợp dự toán giao và quyết toán kinh phí năm 2016 (theo báo cáo):

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Trung tâm GĐTX TPVL (từ 01/01/2016- 31/5/2016)	Trung tâm DN-GTVL (từ 01/01/2016 - 23/06/2016)
Kinh phí NSNN cấp giao tự chủ và giao không tự chủ	4.496.742.163	1.112.287.744
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	58.742.163	287.122.843
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	58.742.163	287.122.843
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên dùng để CCTL</i>	<i>57.782.720</i>	<i>29.737.667</i>
2. Dự toán giao trong năm (kể cả bổ sung)	4.438.000.000	825.164.901
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	4.429.000.000	628.552.901
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	<i>24.000.000</i>	<i>25.600.000</i>
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	9.000.000	196.612.000
3. Kinh phí được sử dụng trong năm	4.496.742.163	1.112.287.744
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	4.487.742.163	915.675.744
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	<i>81.782.720</i>	<i>55.337.667</i>
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	9.000.000	196.612.000

NỘI DUNG	Trung tâm GDTX.TPVL (từ 01/01/2016- 31/5/2016)	Trung tâm DN-GTVL (từ 01/01/2016 - 23/6/2016)
4. Kinh phí đã sử dụng đề nghị Quyết toán	1.749.617.355	253.681.911
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	1.749.201.515	220.862.785
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	415.840	-
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	-	32.819.126
5. Kinh phí cấp trên thu hồi lại	2.747.124.808	0
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.738.124.808	-
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên dùng để CCTL</i>	81.366.880	-
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	9.000.000	-
6. KP còn tại KBNN & KP tạm ứng chưa thanh toán với KB	0	858.605.833
- <i>Kinh phí còn tại kho bạc NN</i>	<i>0</i>	<i>811.724.059</i>
+ Kinh phí giao thực hiện tự chủ	-	693.321.459
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	-	55.337.667
+ Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	-	118.402.600
- <i>Kinh phí tạm ứng chưa thanh toán với KBNN</i>	<i>0</i>	<i>46.881.774</i>
+ Kinh phí giao thực hiện tự chủ	-	1.491.500
+ Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	-	45.390.274
NỘI DUNG	Trung tâm GDNN-GDTX TPVL (từ 24/6/2016-31/12/2016) sau khi sát nhập	
Kinh phí NSNN cấp, giao tự chủ và giao không tự chủ	4.352.730.641	
1. KP của Trung tâm DN-GTVL TP.VL mang sang	858.605.833	
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	694.812.959	
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	55.337.667	
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	163.792.874	
2. Kinh phí giao trong năm (kể cả bổ sung)	3.494.124.808	
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.738.124.808	
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	81.366.880	
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	756.000.000	
3. Kinh phí được sử dụng trong năm	4.352.730.641	
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	3.432.937.767	
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	136.704.547	
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	919.792.874	
4. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	3.976.364.716	
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	3.111.447.574	
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	136.704.547	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ	864.917.142	
5. Kinh phí bị hủy (kinh phí không thực hiện tự chủ)	54.875.732	
6. Kinh phí còn tồn tại KBNN (kinh phí tự chủ)	321.490.193	

Niên độ kế toán năm 2016, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Vĩnh Long chưa có Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long (Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 31/5/2016); Trung tâm Dạy nghề - Giới thiệu việc làm thành phố Vĩnh Long đã có Thông báo phê duyệt quyết toán ngân sách số 04/TB.TC-KH ngày 26/9/2017 của Phòng Tài chính Kế hoạch TP.Vĩnh Long (giai đoạn từ 01/01/2016 đến 23/6/2016); Trung tâm GDNN - GDTX thành phố Vĩnh Long đã có Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách số 03/TB.TC-KH ngày 26/9/2017 của Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Vĩnh Long (giai đoạn từ 24/6/2016 đến 31/12/2016).

II. Về quyết toán sử dụng kinh phí (Chi tiết phụ lục số 01 kèm theo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số liệu quyết toán	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
1. Trung tâm GDTX TPVL (từ 01/01/2016-31/5/2016)	1	2	3 = 2 - 1
a. Kinh phí giao tự chủ	1.749.617.355	1.742.514.555	- 7.102.800
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	0	0
TỔNG CỘNG (a+b)	1.749.617.355	1.742.514.555	- 7.102.800
2. Trung tâm DN-GTVL.TPVL (từ 01/01/2016-23/6/2016)	1	2	3 = 2 - 1
a. Kinh phí giao thực hiện tự chủ	220.862.785	220.862.785	0
b. Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	32.819.126	32.819.126	0
TỔNG CỘNG (a+b)	253.681.911	253.681.911	0
3. Trung tâm GDNN-GDTX.TPVL (từ 24/6/2016-31/12/2016)	1	2	3 = 2 - 1
a. Kinh phí giao thực hiện tự chủ	3.111.447.574	3.100.651.054	- 10.796.520
b. Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	864.917.142	864.917.142	0
TỔNG CỘNG (a+b)	3.976.364.716	3.965.568.196	- 10.796.520

1. Nguyên nhân chênh lệch: Chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, số tiền: 17.899.320đ (7.102.800đ + 10.796.520đ), cụ thể:

* Trung tâm Giáo dục thường xuyên trước và sau khi sát nhập thành trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long, số tiền: 17.899.320đ.

1.1. Mục 6100 - Phụ cấp lương: Chi thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi (30%) cho 01 Phó Giám đốc Trung tâm sai quy định, số tiền: 14.299.320đ

Căn cứ Điểm c, Mục 1, Phần I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập, quy định: "Cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền".

Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, quy định: "Hiệu trưởng dạy 2 tiết/tuần. Phó hiệu trưởng dạy 4 tiết/tuần".

Tại Khoản 6, Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 2/1/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định "Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên có định mức giờ dạy, định mức giờ làm công tác kiêm nhiệm như quy định đối với giáo viên cùng cấp học ở các cơ sở giáo dục phổ thông".

Căn cứ số tiết Ban Giám đốc Trung tâm trực tiếp giảng dạy thể hiện trên sổ đầu bài, Thanh tra Sở Tài chính ghi nhận như sau:

T	Nội dung	Giám đốc: Trần Thị Lệ Chi	P.Giám đốc: Nguyễn Thị Thùy Trang
1	Năm tài chính 2015 (Năm học 2014-2015 HKII + Năm học 2015-2016 HKI): 32 tuần thực học	0đ	4.202.100đ
	- Định mức tiết dạy	64 tiết	128 tiết
	- Số tiết thực dạy	69 tiết	98 tiết
	- Số tiết thừa (+)/ thiếu (-)	5 tiết	- 30 tiết
	- Số tiền PCƯĐ 30% chi sai quy định	0đ	4.202.100đ

T T	Nội dung	Giám đốc: Trần Thị Lệ Chi	P.Giám đốc: Nguyễn Thị Thùy Trang
2	Năm tài chính 2016 (Năm học 2015-2016 HKII + Năm học 2016-2017 HKI): 32 tuần thực học	0đ	14.299.320đ
	- Định mức tiết dạy	64 tiết	128 tiết
	- Số tiết thực dạy	66 tiết	64 tiết
	- Số tiết thừa (+)/ thiếu (-)	2 tiết	- 64 tiết
	- Số tiền PCƯĐ 30% chi sai quy định	0đ	14.299.320đ
3	Năm tài chính 2017 (Năm học 2016-2017 HKII): 16 tuần thực học	0đ	10.556.040đ
	- Định mức tiết dạy	32 tiết	64 tiết
	- Số tiết thực dạy	40 tiết	18 tiết
	- Số tiết thừa (+)/ thiếu (-)	8 tiết	- 46 tiết
	- Số tiền PCƯĐ 30% chi sai quy định	0đ	10.556.040đ
Tổng cộng (năm 2015, 2016, 2017)		0đ	29.057.460đ

Căn cứ Bảng tổng hợp số liệu trên thì năm 2015, 2016, 2017 có 01 P.Giám đốc Trung tâm không trực tiếp giảng dạy đủ số tiết theo quy định của cấp có thẩm quyền nhưng vẫn hưởng phụ cấp ưu đãi (30%) sai quy định, số tiền: **29.057.460đ** (trong đó: năm 2015, số tiền: 4.202.100đ; năm 2016, số tiền: 14.299.320đ; năm 2017, số tiền: 10.556.040đ).

Theo Bản giải trình ngày 30/10/2017 của Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - P.Giám đốc Trung tâm: “..Do hiểu nhầm giáo viên kiêm bí thư chi bộ được giảm định mức tiết dạy 3 tiết/tuần thì Lãnh đạo kiêm bí thư chi bộ cũng được giảm 3 tiết/tuần. Do đó khi xây dựng kế hoạch giảng dạy năm học 2015-2016 và năm học 2016-2017, tôi chỉ phân công giảng dạy 1 tiết/tuần...”.

1.2. Mục 6600 - Thông tin liên lạc: Chi khoản tiền cước phí điện thoại di động cho Giám đốc Trung tâm năm 2016, sai đối tượng số tiền: **3.600.000đ**.

Căn cứ tại Mục 2, Điều 2 Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, thì Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long (trước khi sáp nhập) và Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX TP.Vĩnh Long (sau khi sáp nhập), không thuộc đối tượng được trang bị điện thoại di động và cước phí điện thoại riêng.

Theo Báo cáo ngày 11/10/2017 của đơn vị thì từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2015 đơn vị đã chi khoản tiền cước phí điện thoại di động cho Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long (thời kỳ trước khi sáp nhập), số tiền: **6.300.000đ** (21 tháng x 300.000đ/tháng). Như vậy tổng số tiền chi khoản điện thoại di động cho Giám đốc Trung tâm sai quy định số tiền: **9.900.000đ**.

2. Chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính, đề nghị chấn chỉnh rút kinh nghiệm, số tiền: 76.875.726đ

2.1. Trung tâm Dạy nghề và GTVL TP Vĩnh Long, số tiền: 22.324.726đ

Đơn vị triển khai mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trước khi có quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề của Ủy ban nhân dân TP Vĩnh Long là chưa đúng quy định. Cụ thể: Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016 của Ủy ban Nhân dân TP.Vĩnh Long ngày 18/3/2016, Quyết định mở lớp dạy nghề tin học văn phòng khoá 1 ngày 19/2/2016, số tiền 3.046.000đ, lớp dạy nghề may công nghiệp khoá 1 ngày 14/3/2016, số tiền 19.278.726đ.

Nguyên nhân, đơn vị thuyết minh: Do kinh phí đào tạo nghề đã được cấp theo dự toán đầu năm và đơn vị đã chiêu sinh đủ số lượng học viên để mở được lớp học. Nếu mở lớp chậm thì sẽ không đảm bảo được số lượng học viên. Vì vậy đơn vị đã mở lớp trước khi kế hoạch đào tạo nghề được Ủy ban Nhân dân TP Vĩnh Long phê duyệt.

2.2. Trung tâm GDNN - GDTX TP Vĩnh Long, số tiền: 54.551.000đ

- Mục 6900 - Sửa chữa tài sản: Chi thanh toán tiền sửa chữa tài sản số tiền **21.285.000đ**, không có xác nhận tình trạng thực tế đã sửa chữa của người đề nghị; một số chứng từ thanh toán, Kế toán trưởng vừa là người đề nghị sửa chữa vừa là người kiểm soát chi là không khách quan, không đúng quy định tại Luật Kế toán năm 2003. Cụ thể tại giấy rút dự toán số 50 ngày 5/10/2016, chuyển tiền sửa chữa máy photo số tiền 7.355.000đ; Giấy rút dự toán số 84 ngày 5/12/2016, chuyển tiền sửa chữa máy photo và máy in số tiền 4.180.000đ; Giấy rút dự toán số 98 ngày 21/12/2016, chuyển tiền sửa chữa máy photo và máy in số tiền 9.750.000đ.

- Mục 7000 - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ phục vụ công tác chuyên môn, số tiền **33.266.000đ**: Chi mua vật tư, hàng hóa, công cụ phục vụ công tác chuyên môn không có phiếu giao nhận hàng theo mẫu C26-HD (Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính). Cụ thể tại giấy rút dự toán số 52 ngày 8/10/2016, chuyển tiền mua hàng hóa, vật tư, công cụ phục vụ chuyên môn số tiền 22.993.000đ; Giấy rút dự toán số 104 ngày 29/12/2016, chuyển tiền mua hàng hóa, vật tư, công cụ phục vụ chuyên môn số tiền 10.273.000đ.

B. Thu, chi nguồn học phí:

1. Thu học phí

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số Báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	2	3	3-2
- Năm trước chuyển sang	238.844.300	238.844.300	0
- Thu trong năm	278.440.000	278.440.000	0
<i>Trích 40% để cải cách tiền lương</i>	<i>111.376.000</i>	<i>111.376.000</i>	<i>0</i>
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	517.284.300	517.284.300	0
- Tổng kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	53.008.566	53.008.566	0
- Tồn chuyển năm sau	464.275.734	464.275.734	0
+ <i>Cải cách tiền lương</i>	<i>283.580.561</i>	<i>283.580.561</i>	<i>0</i>
+ <i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>180.695.173</i>	<i>180.695.173</i>	<i>0</i>

Ghi nhận qua Thanh tra: Đơn vị thu học phí, sử dụng biên lai tài chính và quyết toán với cơ quan thuế đúng quy định.

2. Chi nguồn học phí (chi tiết phụ lục 02):

Số báo cáo: **53.008.566đ**; Số kiểm tra: **46.558.566đ**; Chênh lệch giảm: **6.450.000đ**;

2.1. Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị giảm số tiền: 6.450.000đ. Nguyên nhân: Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, số tiền: 6.450.000đ, cụ thể:

- Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: Chi tiền hỗ trợ chiêu sinh cho Ban Giám đốc, kế toán, thủ quỹ và bộ phận văn phòng, không có trong chế độ quy định, số tiền **6.450.000đ**, tại phiếu chi số 19/HP2016 ngày 15/12/2016.

Theo báo cáo của đơn vị, năm 2015 đơn vị cũng chi hỗ trợ bộ phận chiêu sinh năm học 2015-2016, số tiền: 4.300.000đ, tại phiếu chi số 60 ngày 26/11/2015. Như vậy, trong hai năm 2015, 2016 đơn vị chi tiền hỗ trợ chiêu sinh cho Ban giám hiệu, kế toán, thủ quỹ và bộ phận văn phòng, không có trong chế độ quy định, số tiền **10.750.000đ**.

2.2. Về quyết toán nguồn thu học phí: Năm 2015, đơn vị chi cho hoạt động thường xuyên từ nguồn thu học phí số tiền: 84.436.276đ nhưng đến tháng 6/2016 mới có lệnh ghi thu, ghi chi của Sở Tài chính và quyết toán ngân sách năm 2016. Nguyên nhân đơn vị thuyết minh: Đơn vị thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục & Đào tạo tại Công văn số 166/SGDDT-KHTC ngày 03/02/2016.

C. Thu, chi nguồn dịch vụ năm 2016 (Căn tin, nhà xe); Tạo nguồn cải cách tiền lương từ 2012 đến 2016

1. Thu, chi nguồn dịch vụ (Căn tin, nhà xe) năm 2016

1.1. Thu nguồn dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

T T	Nội dung	Số báo cáo (1)	Số kiểm tra (2)	Chênh lệch (2-1)
1	Tồn năm trước chuyển sang	14.911.635	14.911.635	0
2	Tổng thu trong năm	36.930.000	36.930.000	0
	- Thuế GTGT, TNDN phải nộp	0	3.693.000	3.693.000
	- Trích 40% tạo nguồn CCTL	0	13.294.800	13.294.800
	- Bổ sung kinh phí hoạt động	36.930.000	19.942.200	- 16.987.800
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	51.841.635	51.841.635	0
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	33.867.000	33.867.000	0
	- Chi nộp thuế môn bài, GTGT, TNDN	0	0	0
	- Chi hoạt động thường xuyên	33.867.000	33.867.000	0
4	Tồn chuyển sang năm sau	17.924.635	17.924.635	0

- Đơn vị không thực hiện kê khai nộp thuế GTGT (5%) và thuế TNDN (5%), số tiền: 3.693.000đ (Doanh thu: 36.930.000đ x 10%);

- Không trích 40% số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền: 13.294.800đ.

1.2. Chi nguồn dịch vụ: Số báo cáo = số kiểm tra= 33.867.000đ.

Đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn thu dịch vụ (Căn tin, nhà xe) đúng quy định.

2. Về tạo nguồn cải cách tiền lương từ năm 2012 đến năm 2016

- Theo Báo cáo ngày 03/10/2017 của đơn vị thì từ năm 2012 đến 2015, tổng thu dịch vụ cho thuê căn tin, nhà xe, số tiền: 160.230.000đ, đơn vị không thực hiện trích 40% số thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền: 56.082.760đ {Tổng DT (160.230.000đ) - số thuế GTGT & TNDN đã nộp (20.023.100đ)} x 40%.

- Năm 2016, không trích 40% số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền: 13.294.800đ.

Như vậy tổng số tiền đơn vị còn phải trích để tạo nguồn cải cách tiền lương, từ năm 2012 đến năm 2016 là: 69.377.560đ (13.294.800đ + 56.082.760đ)

D. Nguồn thu khác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 đến tháng 10/2017 (Theo báo cáo). Chi tiết tại Phụ lục số 03.

Đơn vị tính: đồng

T T	NỘI DUNG	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017 đến 10/2017
1	Tồn đầu năm	0	34.410.664	59.056.650	220.384.092	198.530.788	518.053.564
2	Thu trong năm	126.726.664	151.758.832	441.794.904	741.344.943	982.493.263	409.632.700
3	Chi Trong năm	92.316.000	127.112.846	280.467.462	763.198.247	662.970.487	789.284.423
4	Tồn cuối năm	34.410.664	59.056.650	220.384.092	198.530.788	518.053.564	138.401.841

Ghi nhận qua kiểm tra:

1. Về thu và quản lý các nguồn thu khác:

1.1. Theo báo cáo của đơn vị thì từ năm 2012 đến tháng 10/2017, tổng cộng có 8 nguồn thu khác đề sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính với tổng số tiền: **2.853.751.306đ** (trong đó: năm 2012, số tiền 126.726.664đ; năm 2013, số tiền 151.758.832đ; năm 2014, số tiền 441.794.904đ; năm 2015, số tiền 741.344.943đ; năm 2016, số tiền 982.493.263đ; đến tháng 10 năm 2017, số tiền 409.632.700đ). Gồm: thu dạy thêm học thêm số tiền: **509.625.000đ**; thu cho thuê cơ sở vật chất, số tiền: **321.905.000đ**; thu liên kết mở các lớp trung cấp, cao đẳng điện, số tiền: **532.815.000đ**; thu liên kết dạy các lớp văn hóa tại Trung tâm Đông Thuận và Trường Cao đẳng nghề số 9, số tiền: **1.024.113.800đ**; thu liên kết mở các lớp dạy tin học - ngoại ngữ, số tiền: **321.981.000đ**; thu chăm sóc SKBD, số tiền: **129.794.464đ**; thu hoa hồng BHYT và BHYT, số tiền: **9.817.042đ**; thu ủng hộ tổ chức ngày 20-11, số tiền: **3.700.000đ**;

1.2. Đối với nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất: Đơn vị báo cáo thì từ năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 đơn vị đã thu từ việc cho thuê cơ sở vật chất (Gồm: Cho thuê phòng học, phòng máy vi tính, hội trường) với tổng số tiền: **321.905.000đ** (năm 2012, số tiền: 15.926.000đ; năm 2013, số tiền: 16.999.000đ; năm 2014, số tiền: 50.680.000đ; năm 2015, số tiền: 146.500.000đ; năm 2016, số tiền: 57.100.000đ; năm 2017, số tiền: 35.963.000đ).

Căn cứ tại Khoản 2 Điều 16 Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của Quốc hội Khóa XII, kỳ họp thứ 3, số 09/2008/QH 12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, quy định: *Cơ quan nhà nước không được sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh khác.*

Tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/2/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: Đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc một trong các loại hình sau đây: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Đối với những đơn vị nêu trên được sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Riêng Trung tâm GDNN-GDTX TP.Vĩnh Long là đơn vị sự nghiệp được nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên nên không thuộc đối tượng xác định giá trị tài sản để giao vốn cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp. Do đó không được sử dụng tài sản nhà nước để cho thuê. Việc đơn vị sử dụng tài sản của nhà nước để cho thuê là sai quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của Quốc hội Khóa XII, kỳ họp thứ 3, số 09/2008/QH 12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Thông tư Hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập số 23/2016/TT-BTC ngày 16/2/2016 của Bộ Tài chính.

1.3. Đối với nguồn thu từ liên kết mở các lớp dạy tin học - ngoại ngữ: Đơn vị thu tổng số tiền: **321.981.000đ** (năm 2012, số tiền: 93.536.000đ; năm 2013, số tiền: 57.360.000đ; năm 2014, số tiền: 25.925.000đ; năm 2015, số tiền: 36.600.000đ; năm 2016, số tiền: 96.560.000đ; năm 2017, số tiền: 12.000.000đ).

Đơn vị không làm thủ tục đăng ký tổ chức đào tạo, bồi dưỡng Ngoại ngữ, Tin học của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Không có hợp đồng liên kết; không có Quyết định mở lớp; Thu đề ngoài sổ sách kế toán và báo cáo tài chính, sai quy định tại Luật Ngân sách và chế độ kế toán hiện hành.

2. Về quản lý sử dụng các nguồn thu khác:

2.1. Chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính số tiền: 288.217.300đ

2.1.1 Nguồn thu Dạy thêm học thêm, số tiền: 129.010.300đ (Chi tiết phụ lục 04)

a. Chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, số tiền: 129.010.300đ

Căn cứ tại Điều 5 Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định "...15% dùng để chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho dạy thêm, học thêm".

Đơn vị đã sử dụng khoản trích (75%) dùng để chi trả cho giáo viên và khoản trích 15% dùng để chi tiền điện, nước, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm học thêm, để chi thu nhập tăng thêm, mua quà, chi hỗ Hội đồng thi..., sai quy định số tiền: 129.010.300đ. Cụ thể:

+ Năm 2014, chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm, chi hỗ trợ hội đồng thi thử, tổng số tiền **33.275.000đ** (tại phiếu chi số 5, ngày 22/9/2014, số tiền 27.186.000đ; phiếu chi số 2, ngày 21/5/2014, số tiền 6.089.000đ);

+ Năm 2015, chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm; chi hỗ trợ hội đồng thi; bồi dưỡng in giấy chứng nhận tốt nghiệp... tổng số tiền **33.143.100đ** (gồm 04 phiếu chi);

+ Năm 2016, chi hỗ trợ cán bộ, giáo viên nhân dịp hè; tiếp khách lễ khai giảng; bồi dưỡng in giấy chứng nhận tốt nghiệp; giao lưu; mua quà... tổng số tiền **44.421.200đ** (gồm 06 phiếu chi);

+ Năm 2017 (đến ngày 03/10/2017), chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm; hỗ trợ hội đồng thi... tổng số tiền **18.171.000đ** (gồm 02 phiếu chi);

b. Đơn vị chi trả tiền cho Giáo viên dạy thêm, thiếu tổng số tiền: 105.560.250đ (năm 2014, số tiền: 25.200.000đ; năm 2015, số tiền: 31.956.250đ; năm 2016, số tiền: 33.991.500đ; năm 2017, số tiền: 14.412.500đ).

Căn cứ Mục 1 Điều 5 Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, quy định: 75% nguồn thu dạy thêm, học thêm dùng để chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy. Theo quy định trên thì số tiền đơn vị phải trả cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, số tiền: **343.856.250đ** (458.475.000đ x 75%). Thực tế đơn vị đã chi cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, số tiền: **238.296.000đ**, thiếu số tiền: **105.560.250đ** (343.856.250đ - 238.296.000đ);

2.1.2. Nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất, số tiền 159.207.000đ (Phụ lục số 04):

Tổng số tiền đơn vị đã chi từ nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất từ năm 2012 đến tháng 10/2017, là: **302.842.267đ**, trong đó: chi tăng cường cơ sở vật chất và nộp thuế, số tiền: **143.635.267đ** và chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, số tiền: **159.207.000đ**.

Đơn vị đã sử dụng nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất để chi thu nhập tăng thêm cho Giáo viên, CC, VC; chi hỗ trợ cho đoàn thanh niên, công đoàn; chi nước tiếp khách..., sai quy định, số tiền: 159.207.000đ (năm 2012, số tiền: 7.397.000đ; năm 2014, số tiền: 22.852.000đ; năm 2015, số tiền: 70.757.000đ; năm 2016, số tiền: 28.006.000đ; năm 2017, số tiền: 30.195.000đ).

2.2. Thu liên kết đào tạo nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với ngân sách nhà nước số tiền: 37.338.196đ

Căn cứ Mục 1.3 Hướng dẫn liên ngành số 507/HDLN-STC-Cục Thuế ngày 27/6/2007 của Sở Tài chính và Cục Thuế Vĩnh Long, về việc quản lý các nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: "... số thu từ hoạt động dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng được quy định tại Điểm b Mục 1 Phần I Hướng dẫn này. sau khi trừ chi phí hợp lý, hợp lệ đơn vị tiến hành nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định...".

Tại Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định: "...Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam,...có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.... riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%...".

- Đơn vị thu từ hoạt động liên kết mở các lớp trung cấp, cao đẳng điện năm 2014, 2015, 2016, tổng số tiền: **532.815.000đ**, không kê khai và nộp thuế theo quy định trên. số tiền **10.656.300đ** ($532.815.000đ \times 2\%$).

- Thu liên kết dạy lớp văn hóa với Trung tâm Đông Thuận và Trường Cao đẳng nghề số 9 năm 2015, 2016, 2017, tổng số tiền: **1.024.113.800đ**, không kê khai và nộp thuế. số tiền **20.482.276đ** ($1.024.113.800đ \times 2\%$).

- Thu liên kết dạy các lớp tin học - ngoại ngữ năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, tổng số tiền: **309.981.000đ**, không kê khai nộp thuế số tiền: **6.199.620đ** ($309.981.000đ \times 2\%$).

2.3. Thu liên kết đào tạo nhưng không trích (40%) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền: 172.862.546đ

Căn cứ các Thông tư số 104/2013/TT-BTC ngày 2/8/2013, số 32/2015/TT-BTC ngày 17/3/2015 và số 103/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu qua các năm 2014, 2015, 2016, 2017 như sau: "... đối với học phí từ các hoạt động đào tạo tại chức, liên doanh liên kết, đào tạo khác: trích 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu học phí từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí liên quan...".

- Thu hoạt động liên kết mở các lớp trung cấp, cao đẳng điện với trường Cao đẳng điện TPHCM năm 2014, 2015, 2016: **532.815.000đ**, đơn vị không trích 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định trên, số tiền **134.734.065đ**. cụ thể: {Tổng thu số tiền: 532.815.000đ - chi phí liên quan, số tiền: 185.323.536đ (gồm chi công tác quản lý lớp, chi sửa chữa cơ sở vật chất và chi phí khác) – thuế TNDN phải nộp, số tiền: 10.656.300đ} x 40%.

- Thu liên kết dạy các lớp văn hóa với Trung tâm Đông Thuận và Trường Cao đẳng nghề số 9 năm 2015, 2016, 2017, số tiền: **1.024.113.800đ**, đơn vị không trích 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương, số tiền: **21.660.609đ**. Cụ thể: {Tổng thu số tiền: 1.024.113.800đ - chi phí liên quan, số tiền: 949.480.000đ (gồm chi cho giáo viên dạy, chi cho quản lý lớp) – thuế TNDN phải nộp số tiền: 20.482.276đ} x 40%.

- Thu liên kết với giáo viên ngoài Trung tâm, dạy các lớp tin học - ngoại ngữ năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, số tiền: 309.981.000đ, đơn vị không trích 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương, số tiền: 16.467.872đ. Cụ thể: {Tổng thu số tiền: 309.981.000đ - chi phí liên quan, số tiền: 262.611.698đ (gồm chi cho giáo viên dạy, chi cho quản lý lớp, chi mua công cụ dụng cụ, thuê vệ sinh và các chi phí khác có liên quan) – thuế TNDN phải nộp, số tiền: 6.199.620đ} x 40%.

2.4 Đối với khoản thu từ liên kết mở lớp dạy tin học với Trường cao đẳng Sư phạm tỉnh Vĩnh Long năm 2017, số tiền 12.000.000đ (chưa sử dụng), đơn vị xin được nộp vào ngân sách nhà nước, lý do dự toán ngân sách năm 2018 đã được cấp trên phê duyệt nên không giảm trừ vào kinh phí hoạt động của năm 2018 được.

E. Về thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (Trung tâm GDNN-GDTX TP.Vĩnh Long):

1. BHXH, BHYT, BHTN:

Căn cứ bảng số liệu Đoàn thanh tra tính thì từ tháng 6 đến tháng 12/2016, đơn vị nộp thừa BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan BHXH TP Vĩnh Long, số tiền 1.674.968đ, trong đó:

- Nộp thiếu 10,5% BHXH, BHYT, BHTN đã khấu trừ vào tiền lương của người lao động số tiền 23.145.029đ (Số đã nộp 160.443.918đ, số phải nộp 183.588.947đ).

- Nộp thừa 22% BHXH, BHYT, BHTN phân trích vào chi phí của đơn vị số tiền 24.819.997đ (Số đã nộp 410.204.342đ, số phải nộp 385.384.345đ).

Theo Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN của BHXH TP Vĩnh Long đến tháng 12/2016, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long đã nộp đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN của năm 2016. Tuy nhiên qua số liệu tính toán của Đoàn Thanh tra thì đơn vị nộp thừa số tiền: 1.674.968đ. Nguyên nhân: Hàng tháng đơn vị không đối chiếu với cơ quan BHXH TP Vĩnh Long về tổng quỹ lương tăng, giảm do tăng lương và các khoản phụ cấp... do đó BHXH TP Vĩnh Long không cập nhật kịp thời, dẫn đến chênh lệch giảm như trên.

2. Kinh phí công đoàn:

Trong năm đơn vị đã chuyển khoản 2% kinh phí công đoàn cho Liên Đoàn Lao động TP Vĩnh Long thừa số tiền 8.000.961đ (Số đã nộp 43.095.813đ, số phải nộp 35.094.852đ). Ngày 03/11/2017, đơn vị đã liên hệ và đối chiếu số liệu với Liên Đoàn Lao động TP Vĩnh Long và đã được Liên Đoàn Lao động TP Vĩnh Long xác nhận nộp thừa 2% kinh phí công đoàn, số tiền: 8.000.961đ. Liên Đoàn Lao động TP Vĩnh Long đã thống nhất cho đơn vị khấu trừ số tiền đã nộp này vào kỳ nộp tiếp theo trong năm 2017.

F. Việc hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ; Khấu hao TSCĐ; Mua sắm, sửa chữa, thanh lý TSCĐ; Việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng tài sản, công cụ, dụng cụ:

Tính đến thời điểm thanh tra, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên TP Vĩnh Long vẫn chưa nhận được Quyết định giao quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước sau khi sáp nhập từ 02 đơn vị: Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm TP Vĩnh Long và Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP Vĩnh Long. Thanh tra Sở Tài chính tạm thời ghi nhận số liệu như sau:

1. Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm TP Vĩnh Long:

1.1. Việc hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ năm 2016. Đoàn thanh tra ghi nhận số liệu như sau:

**BẢNG CHI TIẾT NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN,
NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

Nguyên giá TSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>
- Số dư đầu kỳ	2.807.781.570	2.807.781.570	0
- Số phát sinh tăng	0	0	0
- Số phát sinh giảm	178.770.000	178.770.000	0
- Số dư cuối kỳ	2.629.011.570	2.629.011.570	0
Hao mòn TSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
- Số dư đầu kỳ	1.328.443.532	1.328.443.532	0
- Số phát sinh tăng	320.856.457	320.856.457	0
- Số phát sinh giảm	178.770.000	178.770.000	0
- Số dư cuối kỳ	1.470.529.989	1.470.529.989	0
Nguồn KP đã HTTSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
- Số dư đầu kỳ	1.479.338.038	1.479.338.038	0
- Số phát sinh tăng	0	0	0
- Số phát sinh giảm	320.856.457	320.856.457	0
- Số dư cuối kỳ	1.158.481.581	1.158.481.581	0

Đơn vị không phản ánh các tài khoản 211, 213, 214, 466 vào bảng cân đối tài khoản năm 2016 theo quy định. Theo thuyết minh của phụ trách kế toán: Hàng năm đơn vị chỉ lập báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính TP Vĩnh Long và cũng không biết phải hạch toán vào bảng cân đối tài khoản trên báo cáo tài chính các tài khoản nêu trên.

1.2. Việc quản lý sử dụng và hạch toán TSCĐ, CCDC; Việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý và sử dụng tài sản: Đơn vị chưa thực hiện đúng quy định, cụ thể:

- Không thực hiện việc hạch toán TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản năm quý II/2016.

- Cuối năm không kiểm kê TSCĐ theo quy định (Mẫu số C53-HD: Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài Chính).

- Không ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn số 1049/HD.STC ngày 21/9/2015 của Sở Tài chính Vĩnh Long.

2. Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP Vĩnh Long:

2.1. Việc hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ năm 2016. Đoàn thanh tra ghi nhận số liệu như sau:

**BẢNG CHI TIẾT NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN,
NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

Nguyên giá TSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>
- Số dư đầu kỳ	20.409.788.425	21.214.651.120	804.862.695
- Số phát sinh tăng	0	761.865.000	761.865.000
+ Hữu hình	0	761.865.000	761.865.000
+ Vô hình	0	0	0
- Số phát sinh giảm	0	2.607.375.000	2.607.375.000
+ Hữu hình	0	323.365.000	323.365.000
+ Vô hình	0	2.284.010.000	2.284.010.000
- Số dư cuối kỳ	20.409.788.425	19.369.141.120	-1.040.647.305

Hao mòn TSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
			$4=3-2$
- Số dư đầu kỳ	6.467.469.838	4.761.850.156	-1.705.619.682
- Số phát sinh tăng	0	935.577.009	935.577.009
- Số phát sinh giảm	0	323.365.000	323.365.000
- Số dư cuối kỳ	6.467.469.838	5.374.062.165	-1.093.407.673
Nguồn KP đã HTTSCĐ	Số liệu báo cáo	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch
- Số dư đầu kỳ	13.942.318.587	16.452.800.964	2.510.482.377
- Số phát sinh tăng	0	761.865.000	761.865.000
- Số phát sinh giảm	0	3.219.587.009	3.219.587.009
- Số dư cuối kỳ	13.942.318.587	13.995.078.955	52.760.368

*** Về nguyên giá TSCĐ:**

- Số dư đầu kỳ: Chênh lệch tăng số tiền: 804.862.695đ, nguyên nhân, đơn vị thuyết minh do nhập liệu phần mềm kế toán bị lỗi và khi in ra đơn vị đã không kiểm tra, điều chỉnh kịp thời dẫn đến chênh lệch nêu trên.

- Số phát sinh tăng: Chênh lệch tăng số tiền 761.865.000đ, nguyên nhân, do đơn vị không ghi tăng TSCĐ do cải tạo, nâng cấp nhà xe, hệ thống thoát nước nhà vệ sinh, thay máy tôn, sơn sửa công hàng rào, theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND TP Vĩnh Long, V/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, số tiền 741.665.000đ; Mua sắm tài sản (01 TV LG 49 inch) năm 2015, số tiền 20.200.000đ.

- Số phát sinh giảm: Chênh lệch tăng số tiền 2.607.375.000đ, nguyên nhân, đơn vị không hạch toán giảm nguyên giá các tài sản đã thanh lý theo Công văn số 1417/SGDĐT-KHTC ngày 10/12/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long, v/v thống nhất đề nghị thanh lý tài sản số tiền 323.365.000đ; không hạch toán điều chỉnh lại giá trị quyền sử dụng đất theo Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị ngày 13/10/2017 của liên Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, số tiền 2.961.750.000đ (Giá trị trên Báo cáo tài sản của đơn vị, số tiền 5.245.760.000đ).

*** Về Hao mòn TSCĐ:**

- Số dư đầu kỳ: Chênh lệch giảm số tiền 1.705.619.682đ, nguyên nhân, đơn vị thuyết minh do nhập liệu phần mềm kế toán bị lỗi và khi in ra đơn vị đã không kiểm tra, điều chỉnh kịp thời dẫn đến chênh lệch trên.

- Số phát sinh tăng: Chênh lệch tăng số tiền 935.577.009đ, nguyên nhân, đơn vị không phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ phát sinh trong năm vào Báo cáo tài chính.

- Số phát sinh giảm: Chênh lệch tăng số tiền 323.365.000đ, nguyên nhân, đơn vị không phản ánh nguyên giá các TSCĐ đã thanh lý trong năm vào Báo cáo tài chính.

*** Về Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:**

- Số dư đầu kỳ: Chênh lệch tăng số tiền 2.510.482.377đ, nguyên nhân: Từ chênh lệch về nguyên giá TSCĐ và hao mòn TSCĐ như đã nêu trên dẫn đến số dư đầu kỳ của nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cũng chênh lệch tăng giá trị tương ứng.

- Số phát sinh tăng: Chênh lệch tăng số tiền 761.865.000đ, nguyên nhân: Đơn vị không phản ánh vào trong Báo cáo tài chính nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ phát sinh tăng trong năm do sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua sắm.

- Số phát sinh giảm: Chênh lệch tăng số tiền 3.219.587.009đ, nguyên nhân: Đơn vị không phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ tăng trong năm, số tiền 935.577.009đ và không hạch toán điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất, số tiền: 2.284.010.000đ.

2.2. Việc quản lý sử dụng và hạch toán TSCĐ, CCDC: Đơn vị chưa thực hiện đúng các quy định như:

- Không thực hiện việc hạch toán TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản năm quý II/2016.

- Một số TSCĐ do mua sắm, sửa chữa TSCĐ đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng không phản ánh tăng nguyên giá TSCĐ trên Bảng cân đối tài khoản với tổng số tiền 761.865.000đ. Cụ thể:

+ Mua Tivi LG LF540T 49inch từ nguồn ôn thi tốt nghiệp THPT, số tiền 20.200.000đ nhưng không hạch toán tăng TSCĐ.

+ Hạng mục công trình cải tạo, nâng cấp nhà xe, hệ thống thoát nước nhà vệ sinh, thay mái tôn, sơn sửa hàng rào-số tiền 741.665.000đ (Quyết định Số 1446/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND TPVL, v/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án công trình hoàn thành) nhưng không hạch toán ghi tăng TSCĐ.

2.3. Việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý và sử dụng tài sản: Đơn vị đã thực hiện đúng theo Hướng dẫn số 1049/HD.STC ngày 21/9/2015 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long v/v phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

G. Việc quản lý, theo dõi tài khoản tiền mặt, tiền gửi Kho bạc 2016

1. Tài khoản tiền mặt (TK 111) (theo báo cáo của đơn vị):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu Kỳ	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối Kỳ
A. Trung tâm GD Thường xuyên TP Vĩnh Long (từ 01/01/2016 đến 31/5/2016)					
1	Nguồn KP NSNN cấp	0	37.250.000	37.250.000	0
2	Nguồn thu học phí	5.362.121	78.255.000	81.399.952	2.217.169
3	Nguồn thu dịch vụ	14.911.635	18.540.000	6.762.000	26.689.635
4	Kinh phí CSKSBD	3.809.588	5.000.000	6.268.000	2.541.588
5	Quỹ của cơ quan	3.312.570	0	2.150.000	1.162.570
	Cộng	27.395.914	139.045.000	133.829.952	32.610.962
B. Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu Việc làm TP VL (từ 01/01/2016 đến 31/5/2016)					
1	Nguồn KP tự chủ	0	8.990.000	7.498.500	1.491.500
2	Nguồn KP không TC	0	66.000.000	20.609.726	45.390.274
	Cộng	0	74.990.000	28.108.226	46.881.774
C. Trung tâm GD nghề nghiệp – GD Thường xuyên TP VL (từ 01/6/2016 đến 31/12/2016)					
1	Nguồn KP tự chủ	0	35.891.500	35.891.500	0
2	Nguồn KP không TC	0	127.980.274	127.980.274	0
3	Nguồn thu học phí	0	242.402.169	239.000.000	3.402.169
4	Nguồn thu dịch vụ	0	44.729.635	27.105.000	17.624.635
5	Quỹ của cơ quan	0	3.404.983	2.650.000	754.983
	Cộng	0	454.408.561	432.626.774	21.781.787

Ghi nhận qua thanh tra:

1.1. Các đơn vị trước khi sát nhập thành Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long:

- Cuối năm đơn vị có lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định.

- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán: khóa sổ vào cuối mỗi tháng, không khóa sổ cuối mỗi quý, không đóng dấu giáp lai theo quy định.

1.2. Sau khi sát nhập thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long:

- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán và của thủ quỹ không đúng mẫu biểu (S11-H). theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

- Đơn vị khóa sổ vào cuối mỗi tháng nhưng không khóa sổ vào cuối mỗi quý, không đóng dấu giáp lai theo quy định. Cuối năm đơn vị có kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định.

Việc quản lý quỹ tiền mặt như trên của đơn vị là không đúng quy định tại Luật Kế toán và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tài khoản tiền gửi kho bạc (TK 112):

Đơn vị tính: đồng

T	Nội dung	Số dư đầu năm	Số PS tăng trong năm	Số PS giảm trong năm	Số dư cuối năm
A. Trung tâm GD Thường xuyên TP Vĩnh Long (từ 01/01/2016 đến 31/5/2016)					
1	Tài khoản 3712.2.1002086.00000: tiền gửi học phí, quỹ cơ quan				
	Tiền học phí	233.482.179	63.255.000	15.000.000	281.737.179
	Quỹ cơ quan	3.742.413	0	0	3.742.413
2	Tài khoản 3713.0.1002086.00000: KP công đoàn, KP chăm sóc SKBĐ				
a	Bảng cân đối tài khoản	0	20.765.403	5.000.000	15.765.403
b	Đối chiếu tiền gửi KBNN	19.868.380	11.397.023	15.500.000	15.765.403
	- KP công đoàn	3.562.225	11.397.023	10.500.000	4.459.248
	- KP chăm sóc SKBĐ	16.306.155	0	5.000.000	11.306.155
c	Chênh lệch (a-b)	-19.868.380	9.368.380	-10.500.000	0
B. Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu Việc làm TP VL (từ 01/01/2016 đến 31/5/2016)					
	Tài khoản 3713.0.1072997.00000: KP dạy nghề phòng LĐTBXH cấp và các khoản khác				
a	Bảng cân đối tài khoản	0	0	0	0
b	Đối chiếu tiền gửi KBNN	146.996.047	18.214.188	165.210.235	0
	- KP DN phòng LĐTBXH	146.996.047	0	146.996.047	0
	- KP đi học phòng nội vụ chi trả	0	18.214.188	18.214.188	0
c	Chênh lệch (a-b)	-146.996.047	-18.214.188	-165.210.235	0
C. Trung tâm GD nghề nghiệp - GD Thường xuyên TP VL (từ 01/6/2016 đến 31/12/2016)					
1	Tài khoản 3712.3.1123990.00000: tiền gửi học phí, quỹ cơ quan				
	Tiền học phí	0	496.922.179	36.048.614	460.873.565
	Quỹ cơ quan	0	3.742.413	2.242.413	1.500.000
2	Tài khoản 3713.0.1123990.00000: tiền gửi công đoàn, KP chăm sóc SKBĐ				
a	Bảng cân đối tài khoản	0	0	0	0
b	Đối chiếu tiền gửi KBNN	0	251.194.368	150.052.628	101.141.740
	- KP công đoàn	0	19.843.248	16.281.023	3.562.225
	- KP chăm sóc SKBĐ	0	11.306.155	8.500.000	2.806.155
	- KP DN phòng LĐTBXH cấp	0	202.454.965	107.681.605	94.773.360
	- KP DN Chi cục PTNN cấp	0	17.590.000	17.590.000	0
c	Chênh lệch (a-b)	0	-251.194.368	-150.052.628	-101.141.740

Ghi nhận qua thanh tra:

* Các đơn vị trước khi sát nhập: đều có mở sổ theo dõi tài khoản tiền gửi kho bạc, cuối năm in ra khóa sổ nhưng không đóng dấu giáp lai theo quy định. Hàng tháng có đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Long và phản ánh vào bảng cân đối tài khoản trong Báo cáo tài chính năm 2016.

Tuy nhiên, số liệu trên sổ tiền gửi và Bảng cân đối tài khoản không khớp với số liệu đối chiếu Kho bạc NN. Cụ thể:

2.1. Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long (Tài khoản 3713.0.1002086.00000: KP công đoàn, KP chăm sóc SKBĐ):

- Số dư đầu kỳ: Chênh lệch giảm, số tiền: 19.868.380đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản số tiền:19.868.380đ, kinh phí công đoàn và kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Số phát sinh tăng: Chênh lệch, tăng số tiền: 9.368.380đ, nguyên nhân do đơn vị phản ánh vào Bảng cân đối tài khoản thừa kinh phí công đoàn, số tiền: 9.368.380đ;

- Số phát sinh giảm: Chênh lệch, giảm số tiền: 10.500.000đ, nguyên nhân do đơn vị phản ánh vào Bảng cân đối tài khoản kinh phí công đoàn, thiếu số tiền:10.500.000đ.

2.2.Trung tâm DN - GTVL TP.Vĩnh Long, (Tài khoản 3713.0.1072997.00000: thu hộ, chi hộ và các khoản khác):

- Số dư đầu kỳ, chênh lệch giảm số tiền: 146.996.047đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản, kinh phí dạy nghề của năm 2015 còn thừa (kinh phí thu hộ, chi hộ của phòng LĐT BXH TP.Vĩnh Long chuyển đến).

- Số phát sinh tăng, chênh lệch giảm số tiền: 18.214.188đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản, kinh phí đi học do phòng nội vụ chi trả.

- Số phát sinh giảm, chênh lệch giảm số tiền: 165.210.235đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản, kinh phí dạy nghề còn dư của năm 2015 chuyển trả lại cho phòng LĐT BXH TP.VL và khoản rút kinh phí đi học do phòng nội vụ cấp chi trả cho cá nhân.

2.3. Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long (Tài khoản 3713.0.1123990.00000: KP công đoàn, KP chăm sóc SKBĐ):

- Số phát sinh tăng: chênh lệch giảm số tiền 251.194.368đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản (Kinh phí công đoàn do cấp trên cấp; cơ quan BHXH chi trả KP chăm sóc SKBĐ; Kinh phí dạy nghề do Phòng LĐT BXH TP.Vĩnh Long và chi cục phát triển nông thôn chuyển đến).

- Số phát sinh giảm: Chênh lệch giảm số tiền 150.052.628đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản, khoản kinh phí công đoàn đã rút về nhập quỹ tiền mặt; chi trả kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu; rút kinh phí dạy nghề do Phòng LĐT BXH TP.Vĩnh Long và Chi cục phát triển nông thôn chuyển đến để chi hộ.

- Số cuối kỳ: Chênh lệch giảm số tiền: 101.141.740đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh số vào bảng cân đối tài khoản số dư cuối kỳ của kinh phí công đoàn, kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu và kinh phí dạy nghề của Phòng LĐT BXH TP.Vĩnh Long.

PHẦN III: NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua thanh tra tại đơn vị, Thanh tra Sở Tài chính nhận thấy:

Về cơ bản đơn vị đã chấp hành tốt chính sách và chế độ của Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị, kế toán và các bộ phận chuyên môn đã phối hợp tốt với Đoàn thanh tra trong việc cung cấp chứng từ kế toán, thuyết minh phục vụ cho công tác thanh tra. Đơn vị đã áp dụng tin học vào công tác kế toán, hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái. Tuy nhiên qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán thực tế tại đơn vị, Thanh tra Tài chính ghi nhận những mặt còn hạn chế sau đây:

1. Về Báo cáo tài chính:

1.1. Đối với Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm TP Vĩnh Long (trước khi sáp nhập): Báo cáo tài chính không đóng thành cuốn; Không hạch toán vào Bảng cân đối tài khoản các tài khoản: 211, 213, 214, 466, 005; Không lập các biểu báo cáo (Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài Chính) như: Biểu B01-H: Bảng cân đối tài khoản, Biểu B03-H: Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Biểu B06-H: Thuyết minh báo cáo tài chính; Không ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn số 1049/HD.STC ngày 21/9/2015 của Sở Tài chính Vĩnh Long.

1.2. Đối với đơn vị Trung tâm Giáo dục Thường xuyên TP.Vĩnh Long (trước khi sáp nhập): Báo cáo tài chính quý II/2016: Không thực hiện việc hạch toán TK 005 (Công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản; Phản ánh số dư đầu kỳ, số phát sinh tăng, số phát sinh giảm, số dư cuối kỳ các TK 211, 214, 466, số liệu không chính xác;

1.3. Đối với Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long:

Báo cáo tài chính quý IV/2016: Không có các biểu báo cáo (Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài Chính) như: Biểu B01-H: Bảng cân đối tài khoản, Biểu B03-H: Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Biểu B06-H: Thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài ra đơn vị không lập báo cáo tài chính năm 2016 theo quy định.

2. Về sổ sách kế toán:

2.1. Các đơn vị trước khi sát nhập thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên TP.Vĩnh Long:

- Cuối năm đơn vị có lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định.
- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán: khóa sổ vào cuối mỗi tháng, không khóa sổ cuối mỗi quý, không đóng dấu giáp lai theo quy định.

2.2. Sau khi sát nhập thành Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long:

- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán và của thủ quỹ không đúng mẫu biểu (S11-H), theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.
- Đơn vị có khóa sổ vào cuối mỗi tháng nhưng không khóa sổ vào cuối mỗi quý, không đóng dấu giáp lai theo quy định. Cuối năm đơn vị có kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định.

3. Về chứng từ kế toán:

Chứng từ kế toán rõ ràng sạch sẽ gọn gàng, có đầy đủ chữ ký các thành phần, thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu theo đúng quy định.

PHẦN IV: KIẾN NGHỊ - XỬ LÝ

Để khắc phục những tồn tại đối với công tác quản lý tài chính tại đơn vị trong thời gian qua, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, từng bước đưa công tác quản lý tài chính vào nề nếp, thực hiện đúng Luật ngân sách, chế độ quản lý tài chính.

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long kiến nghị, xử lý như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân TP.Vĩnh Long:

1.1. Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX TP.Vĩnh Long kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với Giám đốc, kế toán và các cá nhân khác có liên quan đến từng nội dung sai phạm, dẫn đến thu để ngoài sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, đến tháng 10 năm 2017 (nguồn thu khác), số tiền **2.853.751.306đ**; Chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tổng số tiền: **337.924.760** (trong đó: nguồn NSNN cấp, số tiền: 38.957.460đ; nguồn thu học phí số tiền: 10.750.000đ; nguồn thu khác, số tiền: 288.217.300đ); Nộp thiếu thuế GTGT, TNDN, số tiền: **41.031.196đ** (nguồn thu dịch vụ, số tiền: 3.693.000đ; nguồn liên kết đào tạo, số tiền: 37.338.196đ); Không trích 40% nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương, từ năm 2012 đến tháng 10/2017, số tiền: **242.240.106đ** (trong đó: nguồn thu dịch vụ Căn tin - Nhà xe, số tiền: 69.377.560đ; nguồn liên kết đào tạo, số tiền: 172.862.546đ). Xem xét quy trách nhiệm bồi thường thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước (chi tiết tại Mục 2.5 Phần IV kiến nghị xử lý).

1.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Vĩnh Long thực hiện việc giao chỉ tiêu về biên chế, giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Trung tâm GDNN-GDTX TP Vĩnh Long ngay từ đầu năm và sớm phê duyệt Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn để đơn vị thực hiện kịp thời.

1.3. Chỉ đạo Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị xử lý của Thanh tra Sở Tài chính đã nêu trong Kết luận thanh tra. Đồng thời tăng cường công tác quản lý về chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra công tác quản lý tài chính tại đơn vị, phát hiện xử lý, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm trong thời gian qua.

2. Đối với Trung tâm GDNN - GDTX TP.Vĩnh Long:

2.1. Chấp hành nghiêm Luật kế toán, Chế độ kế toán hiện hành được ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và các Thông tư hướng dẫn bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc quản lý tài chính tại đơn vị; Xây dựng dự toán thu, chi từ hoạt động liên kết để báo cáo cấp trên tổng hợp; khóa sổ sách kế toán theo đúng quy định; phản ánh chính xác số liệu tài khoản tiền gửi trên bảng cân đối tài khoản; điều chỉnh sổ sách kế toán chi tiết khớp đúng với bảng cân đối tài khoản và báo cáo tài chính; hạch toán vào sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tất cả các khoản thu, chi khác; thực hiện công khai tài chính theo quy định; Chấn chỉnh rút kinh nghiệm những khoản chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính đã nêu tại Kết luận thanh tra, số tiền: **76.875.726đ** (Khoản 2 Mục II Phần II).

2.2. Hạch toán vào Báo cáo tài chính các khoản thu khác để ngoài sổ sách, số tiền: **2.853.751.306đ**.

2.3. Đề nghị chấm dứt việc cho thuê cơ sở vật chất (cho thuê phòng học, hội trường, phòng máy vi tính, căn tin, nhà xe...), sai quy định, Thanh tra Sở Tài chính đã nêu ở Phần II Kết quả thanh tra.

2.4. Hoàn trả lại nguồn trích (40%) dùng để cải cách tiền lương từ năm 2012 đến năm 2017, tổng số tiền: **242.240.106đ** (trong đó: nguồn thu dịch vụ căn tin, nhà xe, số tiền: 69.377.560đ; nguồn thu liên kết đào tạo, số tiền: 172.862.546đ);

2.5. Thu hồi và nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra Sở Tài chính mở tại KBNN tỉnh Vĩnh Long (số hiệu TK: 3941.0.9043201.00000), tổng số tiền: **304.458.439đ** gồm:

- Chi sai nguyên tắc và chế độ QLTC là: **232.364.510đ** (chi tiết phụ lục số 04 kèm theo), trong đó:

